TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 676/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-7-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên
2. Bà Trần Thị Nga

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Ngọc Thọ là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Ông Đồng Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1015/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lê Minh T**, sinh năm: 1989
Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Bị đơn: Bà **Đoàn Thị Hồng N**, sinh năm: 1989
Nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Ông T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; Bà N vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 20 tháng 8 năm 2020 và trong quá giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Minh T trình bày:

Ông và bà Đoàn Thị Hồng N bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2008, có tổ chức đám cưới, do mai mối đến với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng ông không nhớ năm đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì xảy ra.

Tuy nhiên, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc. Ông đi làm đem tiền về đưa cho Bà N cất giữ để dành trang trải cho gia đình nhưng ông phát hiện Bà N sử dụng tiền mà không hỏi qua ý kiến của ông. Trong quá trình chung sống thì ông bà không thống nhất được ý kiến chung. Ông và Bà N sống ly thân từ tháng 1 năm 2020 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không có ý nghĩa nên ông yêu cầu được ly hôn với Bà N. Ông và Bà N chung sống có hai con chung là trẻ Lê Đoàn Lan A, sinh ngày 28/6/2008 và trẻ Lê Đoàn KIm A, sinh ngày 07/8/2011. Hiện tại trẻ Lan A và trẻ Kim A đang sống cùng Bà N. Sau khi ly hôn, Ông T yêu cầu giao trẻ Lan A và trẻ Kim A cho Bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) vào ngày 01 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/8/2022. Quá trình chung sống ông và Bà N không có tài sản chung và nợ chung.

Do ông bận công việc nên ông đề nghị Tòa án cho ông được xét xử vắng mặt ông cam kết không thắc mắc, khiếu nại gì về việc vắng mặt của mình.

Bị đơn bà Đoàn Thị Hồng N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Cho ông Lê Minh T được ly hôn với bà Đoàn Thị Hồng N, giao hai con chung cho Bà N trực tiếp nuôi dưỡng, Ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 01/8/2022 cho đến khi trẻ Lan A, trẻ Kim A lần lượt trưởng thành. Tài sản chung nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Lê Minh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Đoàn Thị Hồng N. Đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà Đoàn Thị Hồng N cư trú tại C4/45 ấp 3, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông Lê Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt Ông T, tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn bà Đoàn Thị Hồng N nhưng Bà N vẫn không đến Tòa tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt Ông T, Bà N là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Bà N đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nêu rõ yêu cầu của Ông T nhưng Bà N vẫn không đến Tòa trình bày ý kiến, tham dự các buổi hòa giải, xét xử theo quy định mà vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

[5] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Minh T và bà Đoàn Thị Hồng N sống chung có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa Ông T và Bà N là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Ông Lê Minh T xác định ông và bà Đoàn Thị Hồng N mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, ông yêu cầu được ly hôn với Bà N để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong vụ án này, Ông T khai giữa ông và Bà N có nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong cuộc sống do không còn sự tin tưởng lẫn nhau trong vấn đề kinh tế của gia đình, Ông đi làm đem tiền về đưa cho Bà N cất giữ để dành trang trải cho gia đình nhưng ông phát hiện Bà N sử dụng tiền mà không hỏi qua ý kiến của ông. Trong quá trình chung sống thì ông bà không thống nhất được ý kiến chung. Ông T xác nhận ông và Bà N đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay. Đồng thời, Ủy ban nhân dân xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cũng xác nhận Ông T và Bà N không còn sống chung với nhau. Mặt khác, Bà N không đến Toà án tham gia tố tụng để Toà án hoà giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ giữa Ông T và Bà N không còn tình cảm và đều không có thiện chí để đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được thì cuộc sống chung cũng không còn ý nghĩa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Ông T đối với Bà N.

[7] Về con chung: Ông T xác nhận ông và Bà N có hai con chung là trẻ Lê Đoàn Lan A, sinh ngày 28/6/2008 và trẻ Lê Đoàn KIm A, sinh ngày 07/8/2011. Sau

khi ly hôn, Ông T có nguyện vọng giao trẻ Lan A và trẻ Kim A cho Bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

[8] Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con".*

[9] Tại biên bản ghi nhận ý kiến của trẻ Lan A được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh lập ngày 03/3/2021 và trẻ Kim A lập ngày 04/3/2021 thì trẻ Lan A và trẻ Kim A đều có nguyện vọng được sống cùng Bà N. Đồng thời Ông T cũng có nguyện vọng giao hai con chung cho Bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

[10] Tại công văn số 1642/UBND ngày 20/5/2021 của Ủy ban nhân dân xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận trẻ Lan A và trẻ Kim A đang sống cùng Bà N.

[11] Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho Bà N nhưng Bà N vẫn không đến Tòa để thể hiện ý kiến của bà về vấn đề con chung. Do đó, từ những nhận định và phân tích nêu trên, nhằm bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho trẻ Lan A và trẻ Kim A tránh việc xáo trộn trong sinh hoạt hiện tại của trẻ, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ Lan A và trẻ Kim A cho Bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

[12] Về cấp dưỡng nuôi con chung và thời điểm cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con chung mỗi trẻ mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) và cấp dưỡng vào ngày 01 dương lịch hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 01/8/2022. Bị đơn vắng mặt không thể hiện ý kiến yêu cầu của bà về việc cấp dưỡng nuôi con và thời điểm cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ông T về việc cấp dưỡng nuôi con và thời điểm cấp dưỡng nuôi con.

[13] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác nhận ông và Bà N không có tài sản chung và nợ chung. Bà N vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của bà về vấn đề tài sản chung và nợ chung giữa bà và Ông T nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung giữa Ông T và Bà N trong vụ án này, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[14] Về án phí: Ông Lê Minh T chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Minh T.

Cho ông Lê Minh T được ly hôn với bà Đoàn Thị Hồng N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 121 quyển số 2008 do Ủy ban nhân dân xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/6/2008 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao con chung là trẻ Lê Đoàn Lan A, sinh ngày 28/6/2008 và trẻ Lê Đoàn KIm A, sinh ngày 07/8/2011 cho Bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi trẻ Kim A và trẻ Lan A mỗi trẻ mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) vào ngày 01 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng từ ngày 01/8/2022 cho đến khi trẻ Kim A và trẻ Lan A lần lượt trưởng thành. Các bên giao nhận tiền cấp dưỡng tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Nếu Ông T chậm thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con thì Ông T còn phải chịu lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

4. Về án phí: Ông Lê Minh T chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với việc cấp dưỡng nuôi con được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà Ông T đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0080096 ngày 18/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Ông T phải nộp bổ sung 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Ông Lê Minh T, bà Đoàn Thị Hồng N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, TPHCM;
- Lưu VP, hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy